

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4487/BKHĐT-TH

V/v hướng dẫn đánh giá thực hiện
Kế hoạch PTKTXH năm 2024, dự
kiến Kế hoạch PTKTXH năm 2025

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2024

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.



Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật Đầu tư công, thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (dưới đây gọi tắt là các bộ, cơ quan trung ương, địa phương) tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2024, dự kiến kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị nêu trên với những nội dung chủ yếu như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2024, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Trong đó tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

a) Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, khách quan, chính xác bối cảnh thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024, bao gồm:

- Tình hình thế giới, khu vực, trong đó: làm rõ diễn biến phức tạp, khó lường, khó dự báo, còn nhiều yếu tố bất định của tình hình thế giới, khu vực ảnh hưởng đến kinh tế trong nước. Cảnh tranh chiến lược các nước lớn gay gắt trên các lĩnh vực kinh tế, công nghệ...; tình hình an ninh, chính trị, nhất là các cuộc xung đột tại Nga-Ucraina, dải Gaza, Biển Đỏ... tác động tới các hoạt động kinh tế, thương mại, chuỗi cung ứng, vận tải... Tình hình tăng trưởng kinh tế thế giới, khu vực; một số dự báo của các tổ chức quốc tế đối với triển vọng tăng trưởng thế giới, nhất là các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, truyền thống của Việt Nam; kiểm soát lạm phát tại các quốc gia; việc điều chỉnh, triển khai các gói kích thích kinh tế, các chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất công nghiệp, các ngành mới nổi như chíp, bán dẫn, chuyển đổi xanh...; thiên tai, biến đổi khí hậu... tác động tới nhiều khu vực và quốc gia trên toàn cầu.

- Trong nước, nhiệm vụ phát triển KTXH áp lực và nặng nề hơn; khó khăn, thách thức còn nhiều nhưng đan xen với cơ hội, thuận lợi, thời cơ. Công tác điều hành, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để xử lý các khó khăn, thách thức trong nội tại nền kinh tế và trước những biến động bất ngờ của tình hình thế giới; tình hình lạm phát, tỷ giá, lãi suất; biến động giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu; tình hình sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xuất khẩu, thu hút FDI, du lịch; phát triển các thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản, thị trường vàng...; đảm bảo các cân đối lớn về năng lượng, lương thực; các vấn đề an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an ninh mạng, an ninh nguồn nước...

b) Trên cơ sở bối cảnh năm 2024, cần tập trung làm rõ: các kết quả đạt được, những thành tựu nổi bật của năm 2024 trong phát triển kinh tế, xã hội, thể chế, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, chuyển đổi số, quốc phòng, an ninh... (có đánh giá, so sánh với năm 2023 và các năm 2021-2023); những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân (chủ quan và khách quan) và bài học kinh nghiệm; đề xuất, kiến nghị các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong những tháng cuối năm để hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024, hướng tới thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025. Cụ thể:

- Các bộ, cơ quan trung ương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ¹, các quyết định, chỉ thị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân các cấp (đối với các địa phương) về phát triển KTXH năm 2024; đồng thời báo cáo đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu đã được giao tại các Nghị quyết nêu trên theo mẫu tại Phụ lục kèm theo.

- Các địa phương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và năm 2024; chương trình, kế hoạch hành động của địa phương thực hiện các Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 và các Nghị quyết khác của Chính phủ; đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu đã được giao của địa phương.

Các nội dung cần được tập trung đánh giá tình hình, kết quả thực hiện:

(1) Điều hành, phối hợp đồng bộ, hài hòa chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm thực hiện mục tiêu ưu tiên thúc đẩy

¹ Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023; Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023; Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023; Kết luận số 64-KL/TW ngày 18 tháng 10 năm 2023; Kết luận số 65-KL/TW ngày 21 tháng 10 năm 2023; Kết luận số 72-KL/TW ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị; các Nghị quyết số 103/2023/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2023; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 và các Nghị quyết, Kết luận khác.

tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; làm mới và thúc đẩy các động lực tăng trưởng (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu).

Trong đó phân tích kỹ:

- Công tác điều hành tín dụng, tỷ giá, lãi suất, ổn định thị trường tiền tệ, thị trường vàng; giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ khó khăn thị trường bất động sản, thị trường trái phiếu doanh nghiệp; các giải pháp, chính sách hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh như thực hiện miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, cơ cấu lại nợ...; kiểm soát chặt chẽ bội chi, nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia trong giới hạn cho phép; đảm bảo an ninh lương thực, an ninh năng lượng (điện, dầu...).

- Phát triển thị trường trong nước, triển khai cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; phòng, chống buôn lậu, hàng giả, gian lận thương mại; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, du lịch; mở rộng, đa dạng hóa thị trường quốc tế gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu, rộng hơn vào các chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu.

- Công tác điều hành giá, nhất là giá năng lượng, hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu, góp phần kiểm soát lạm phát và hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đời sống Nhân dân.

(2) Công tác rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách, xử lý các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, người dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn để sớm đưa các luật, nghị quyết đi vào cuộc sống (như Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở, Luật Đất đai...), góp phần khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thúc đẩy phát triển KT-XH. Rà soát các vướng mắc pháp lý liên quan đến các luật; xây dựng, trình Quốc hội xem xét, ban hành 01 luật sửa nhiều luật hoặc theo hình thức Nghị quyết quy phạm từng lĩnh vực.

Tổng kết việc thực hiện các cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù cho một số địa phương và cho các dự án, công trình giao thông đường bộ; việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

(3) Đẩy mạnh xây dựng hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, nhất là các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan

trọng quốc gia, sân bay, bến cảng, hệ thống đường cao tốc, các tuyến đường gom, nút giao kết nối, các dự án có tính liên vùng, đường ven biển, các dự án ứng phó biến đổi khí hậu, sạt lở, xâm nhập mặn, các dự án hạ tầng đô thị, hạ tầng chuyển đổi số...

Triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các dự án, công trình phát triển, truyền tải, phân phối điện, bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất kinh doanh, đời sống nhân dân; tiến độ thực hiện Chương trình cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo giai đoạn 2021-2025; ban hành cơ chế mua bán điện trực tiếp. Phát triển các hạ tầng số, hạ tầng thương mại, hạ tầng đô thị, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu, hạ tầng lâm nghiệp, thuỷ sản, hạ tầng phòng chống giảm nhẹ thiên tai...

(4) Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Cơ cấu lại 03 lĩnh vực trọng tâm (đầu tư công, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước); tình hình xử lý các ngân hàng, tổ chức tín dụng yếu kém, các dự án, công trình chậm tiến độ, đầu tư kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài. Phục hồi, phát triển các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực mới nổi như sản xuất chíp bán dẫn...; tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp, dịch vụ.

Phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; thúc đẩy các ngành, lĩnh vực mới nổi, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử... Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài, nhất là trong những ngành, lĩnh vực mới nổi gắn kết chặt chẽ với thị trường trong nước và các doanh nghiệp trong nước, tham gia sâu rộng hơn vào các chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu.

(5) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhất là trong các ngành công nghệ cao, chíp bán dẫn...; tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ nguồn; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp.

(6) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền; đầu tư xây dựng, nâng cấp và cải tạo hệ thống thiết chế văn hóa; xây dựng, ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035; hoàn thành Đề án Phát triển công nghiệp văn hóa.

Thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo trợ giúp xã hội; công tác giảm nghèo bền vững; triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; công tác trẻ em, phát triển thanh niên, thúc đẩy bình đẳng giới; công tác dân tộc, tôn giáo; công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.

Rà soát, hoàn thiện, triển khai các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; hoàn thiện, trình Quốc hội Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); khắc phục tình trạng người lao động rút bảo hiểm xã hội một lần.

Phát triển thị trường lao động, tăng cường kết nối cung - cầu lao động; phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; triển khai Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”, gói tín dụng 120 nghìn tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội.

(7) Công tác ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, phòng, chống thiên tai; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Xây dựng, triển khai các luật, quy định hiện hành liên quan đến lĩnh vực đất đai, khoáng sản, biến đổi khí hậu... Công tác rà soát, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Tổ chức thực hiện các đề án, chiến lược, kế hoạch về biến đổi khí hậu; hoàn thiện các quy định, thúc đẩy phát triển thị trường các-bon. Thực hiện các sáng kiến, cam kết của Việt Nam tại COP28 và Kế hoạch huy động nguồn lực triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP).

Thực hiện các dự án trọng điểm về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, nhất là hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lún, sạt lở bờ sông, bờ biển, sạt lở đất, nhất là tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng ven biển, khu vực Bắc Trung Bộ, khu vực Tây Nguyên, miền núi phía Bắc. Xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

(8) Thúc đẩy phát triển liên kết vùng; phát huy vai trò của các Hội đồng điều phối vùng. Tổ chức sơ kết, đánh giá thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù tại các địa phương. Triển khai hiệu quả quy hoạch cấp quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. Nghiên cứu xây dựng trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm tài chính khu vực tại Đà Nẵng.

(9) Hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực; sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, đơn vị sự

nghiệp các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban chấp hành Trung ương. Khắc phục tình trạng dùn đầy, né tránh, sơ sai, sơ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức

Thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, đầy mạnh chuyển đổi số quốc gia. Thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; vận hành các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm; công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

(10) Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

(11) Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển và tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển đất nước, củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam.

(12) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nhất là công tác truyền thông chính sách, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

(Chi tiết phân công đánh giá các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của Kế hoạch năm 2024 xin xem tại các Phụ lục kèm theo).

Căn cứ đặc điểm, tình hình của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tiến hành đánh giá thêm các nội dung, chỉ tiêu khác phù hợp với tình hình của đơn vị và địa phương.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2025

1. Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 của cả nước phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 và dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực trong thời gian tiếp theo tác động, ảnh hưởng đến phát triển KTXH của đất nước.

Đặc biệt, năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025, đồng thời là năm tập trung tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV trong bối cảnh tình hình thế giới, trong nước dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, khó lường, cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro đan xen tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH.

Về tình hình thế giới, khu vực, đặc biệt lưu ý những vấn đề như diễn biến

xung đột quân sự Nga - Ucraina, dải Gaza, Biển Đỏ...; chủ nghĩa bảo hộ, xu hướng liên kết mới trên thế giới; triển vọng phục hồi tăng trưởng, khả năng kiểm soát lạm phát, điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn; các xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, dịch chuyển dòng vốn, chuỗi cung ứng, sản xuất toàn cầu...; các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, an ninh mạng... tác động trực tiếp, nhiều mặt đến Việt Nam...

Trong nước, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tạo áp lực lớn lên điều hành kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng, phát triển KTXH nước ta. Tuy nhiên, cũng có những cơ hội, thuận lợi, thời cơ đan xen; tình hình chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; các quy định pháp luật mới chuẩn bị có hiệu lực; chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; dự báo, đánh giá của các tổ chức quốc tế đối với Việt Nam...

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý; các mục tiêu, định hướng và giải pháp để ra phải mang tính đột phá, đổi mới, mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; phát huy tính tự lực, tự cường của các cơ quan, đơn vị, tạo ra chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong phát triển KTXH, nỗ lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025.

Trong đó, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025.

b) Chỉ tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn. Các mục tiêu chủ yếu cần tập trung, phù hợp với tình hình thực tiễn, mục tiêu Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030.

c) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2025 bảo đảm thống nhất với mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và những định hướng lớn, gồm:

- Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn. Điều hành đồng bộ, thống nhất các chính sách vĩ mô, phối hợp chặt chẽ, kết hợp hài hòa giữa các chính sách tiền tệ, tài khóa, đầu tư, thương mại và các chính sách khác để hỗ trợ sản xuất kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế.

- Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; phát triển đồng bộ các loại thị trường; đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện, rà soát chính sách pháp luật để tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền nhân rộng áp dụng các cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù đã phát huy hiệu quả, các dự án đã được tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố. Đẩy nhanh sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; đẩy mạnh cải cách hành chính, thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế. Tiếp tục cơ cấu lại 03 lĩnh vực trọng tâm về đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng.

Cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; thúc đẩy các ngành, lĩnh vực mới nổi như chíp, bán dẫn... Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả. Tiếp tục triển khai hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn, kinh tế tập thể như Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022...

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là các công trình, dự án hạ tầng cấp bách, trọng điểm về giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy nội địa, đường hàng không kết nối các địa phương, vùng và khu vực, quốc tế. Tập trung triển khai hiệu quả Kết luận số 72-KL/TW ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Bộ Chính trị về huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực, ưu tiên ngân sách cho phát triển hạ tầng.

Phát triển hạ tầng năng lượng, bảo đảm cung cấp đủ, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội và an ninh năng lượng; hạ tầng thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước gắn với phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, nhất là các đô thị lớn; tạo sự đột phá trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, công nghệ số. Phát triển mạnh hạ tầng du lịch để hình thành năng lực cạnh tranh quốc tế.

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, nhất là trong các ngành công nghệ cao, công nghệ chíp bán dẫn...; tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt

động giáo dục đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục đại học; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhất là tại địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục. Triển khai đồng bộ, hiệu quả quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng đào tạo nhân lực các ngành, lĩnh vực trọng điểm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, chip bán dẫn,... có tiềm năng, lợi thế, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, tập trung xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi cấp dưới gắn với trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường giám sát, kiểm tra. Thực hiện chủ trương bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm theo quy định tại Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2023, khắc phục tình trạng dùn đầy, né tránh, sợ sai, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức. Đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thực hiện nghiêm Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Tiếp tục thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018.

- Phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân. Phát huy giá trị văn hóa và con người Việt Nam trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong phát triển KTXH. Tích cực triển khai Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội. Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ người dân, người lao động mất việc làm và doanh nghiệp gặp khó khăn. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, phúc lợi xã hội, giảm nghèo bền vững, chính sách an sinh xã hội, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, chính sách dân tộc, tôn giáo, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tập trung phát triển lĩnh vực văn hóa. Xây dựng môi trường văn hóa

lành mạnh. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035. Nâng cao chất lượng các loại hình văn hóa, văn học nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa theo hướng trọng tâm, trọng điểm gắn với phát triển du lịch. Đẩy mạnh việc phát triển du lịch gắn với các đô thị, khu sinh thái, du lịch văn hóa, cộng đồng. Tiếp tục xây dựng, triển khai hệ giá trị quốc gia văn hóa, gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới. Đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng, tập trung phát triển thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao.

- Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, giảm thiểu tác động tiêu cực của hạn hán, xâm nhập mặn. Chủ động xây dựng kế hoạch, phương án điều tiết, bảo đảm đủ nước cho sản xuất nông nghiệp. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

- Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; ứng phó với thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là các vấn đề an ninh mạng và các hình thái chiến tranh kiểu mới.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, chú trọng triển khai công tác ngoại giao kinh tế nhằm thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển KTXH, củng cố môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi để phát triển đất nước. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông chính sách, tạo đồng thuận xã hội.

- Đề xuất, kiến nghị đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

2. Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương bám sát các nội dung tại điểm 1 mục II nêu trên; đảm bảo phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, chiến lược và kế hoạch phát triển KTXH của cả nước, kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của địa phương (đối với các địa phương); phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; kế thừa những thành quả đã đạt được, đồng thời đổi mới, tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH.

III. DỰ KIẾN KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

1. Căn cứ đặc điểm, tình hình của ngành, lĩnh vực, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tiến hành đánh giá khả năng hoàn thành các mục tiêu chủ yếu đề ra tại Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025.

2. Đề nghị cung cấp các số liệu tại Phụ lục II, trong đó:

- Các cột số 12, 13, 14 của các biểu từ số 1 - 7: Áp dụng đối với bộ, cơ quan trung ương.

- Các cột số 12, 13, 14 của biểu số 8: Áp dụng đối với các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

- Triển khai các nhiệm vụ theo phân công tại Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hướng dẫn các ngành, các cấp trực thuộc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương.

- Thực hiện các nội dung theo phân công tại các Phụ lục kèm theo, gửi báo cáo bằng văn bản về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi bản mềm (dạng Word và PDF) vào hòm thư điện tử thktxh@mpi.gov.vn² và ktdp@mpi.gov.vn để nghiên cứu, tổng hợp báo cáo kế hoạch chung của cả nước.

- Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 của địa phương mình đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 16 tháng 7 năm 2024.

Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP), các địa phương sử dụng số liệu công bố của Tổng cục Thống kê; phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê rà soát, ước thực hiện năm 2024 và dự kiến chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2025.

Đối với các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022, cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp báo cáo số liệu đến thời điểm báo cáo theo quy định tại Nghị định số 94/2022/NĐ-CP; bộ quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện, ước thực hiện năm 2024 và dự kiến chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì xây dựng chỉ tiêu lạm phát (Chỉ

² Trong trường hợp cần thiết, xin liên hệ đ/c Trần Sơn Tùng: điện thoại 080.45450.

số giá tiêu dùng - CPI) năm 2025 theo quy định tại khoản 5 Điều 4 của Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010, Quy chế 9078/BKHTT-NHNN-BTC-BCT ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Bộ Tài chính - Bộ Công Thương.

3. Các Bộ: Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ để xuất xây dựng một số cân đối lớn của nền kinh tế năm 2025, như: Cân đối tích lũy - tiêu dùng, Cân đối ngân sách nhà nước, Cân đối xuất, nhập khẩu (hàng hóa), Cân đối năng lượng (điện), Cân đối lương thực (an ninh lương thực), Cân đối nguồn nước (an ninh nguồn nước) và các cân đối quan trọng khác.

4. Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) biên soạn và công bố số liệu GRDP ước tính năm 2024 cho địa phương xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2025.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương xây dựng phương án tăng trưởng GDP năm 2025, tổng hợp các cân đối lớn và tổng hợp, hoàn thiện báo cáo “*Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025*” của cả nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ để báo cáo các cơ quan của Đảng, Quốc hội.

Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, nội dung hướng dẫn tại văn bản này và tình hình, đặc điểm cụ thể của từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương, khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ nêu trên và gửi Báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 16 tháng 7 năm 2024 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ KH&ĐT: Vụ KTDPLT (để tổng hợp Biểu số 7 tại Phụ lục II); các đơn vị thuộc Bộ (để phối hợp);
- Lưu: VT, Vụ TH **T.02**





Phụ lục I

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH KTXH NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2025 CỦA CẢ NƯỚC
(Kèm theo văn bản số 448/TB-KHĐT-TH ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
PHẦN I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024		
I	BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
II	TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (các địa phương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của BCH Đảng bộ và HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc TW về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024)
1	Ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 theo 15 chỉ tiêu chủ yếu được giao tại Nghị quyết số 103/2023/QH15	
-	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) khoảng 6,0-6,5%	Bộ KHĐT
-	GDP bình quân đầu người đạt 4.700-4.730 đô la Mỹ (USD)	Bộ KHĐT
-	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 24,1-24,2%	Bộ KHĐT
-	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,0-4,5%	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ KHĐT
-	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân khoảng 4,8-5,3%	Bộ KHĐT
-	Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng lao động xã hội đạt 26,5%	Bộ KHĐT
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 69%, trong đó có bằng, chứng chỉ khoảng 28-28,5%	Bộ LĐTBXH
-	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%	Bộ LĐTBXH

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
-	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) giảm trên 1%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
-	Số bác sĩ trên 10.000 dân đạt 13,5 bác sĩ	Bộ Y tế
-	Số giường bệnh trên 10.000 dân đạt 32,5 giường bệnh	Bộ Y tế
-	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94,1% dân số	Bộ Y tế
-	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 80%	Bộ NNPTNT
-	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 95%	Bộ TNMT
-	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 92%	Bộ KHĐT
2	Đánh giá các kết quả đạt được theo 12 nhóm nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 103/2023/QH15 và các kết luận, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phát triển KTXH năm 2024	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
2.1	Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế	
-	Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác, nỗ lực giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu)	NHNN; Bộ Tài chính, Bộ Công Thương; Bộ KHĐT và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương
-	Hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ phù hợp; cân đối hài hòa giữa việc giảm lãi suất và ổn định tỷ giá, kiểm tra, giám sát, bảo đảm ổn định thị trường tiền tệ, tín dụng; tiếp tục phấn đấu giảm mặt bằng lãi suất và đơn giản hóa thủ tục hành chính để tăng khả năng tiếp cận, hấp thụ vốn tín dụng, tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng.	NHNN
-	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2024, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, các chương trình mục tiêu quốc gia; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án; kiên quyết loại bỏ những dự án không thật sự cần thiết, không để tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả.	Bộ KHĐT
-	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước; quản lý thu ngân sách nhà nước chặt chẽ, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, khai thác tối đa nguồn thu còn dư địa và có giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu hiệu quả, bền vững; triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; kiểm soát chặt chẽ bội chi, nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia trong giới hạn cho phép; nghiên cứu tiếp tục thực hiện miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, cơ cấu lại nợ; ban hành và kịp thời triển khai các chính sách phù hợp, hiệu quả liên quan đến thuế tối thiểu toàn cầu.	Bộ Tài chính; Bộ KHĐT

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
-	Phát triển mạnh thị trường trong nước và đẩy mạnh xúc tiến thương mại, du lịch, mở rộng, đa dạng hóa thị trường quốc tế gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu, rộng hơn vào các chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu, phấn đấu thặng dư thương mại bền vững; thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.	Bộ Công Thương
2.2	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh	
-	Thể chế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng. Bảo đảm tiến độ và chất lượng các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024.	Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan trung ương
-	Ban hành các văn bản hướng dẫn và thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù đã được Quốc hội thông qua	Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương
-	Phát triển ổn định, lành mạnh, bền vững các loại thị trường, nhất là thị trường trái phiếu doanh nghiệp, quyền sử dụng đất, bất động sản, lao động, khoa học công nghệ, thị trường năng lượng... góp phần nâng cao hiệu quả huy động, sử dụng các nguồn lực cho sản xuất kinh doanh.	Bộ Tài chính, Bộ TNMT, Bộ LĐTBXH, Bộ Công thương, Bộ KHCN và các bộ, cơ quan trung ương.
-	Công tác phòng ngừa, giải quyết các tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế, các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại của nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài, tránh phát sinh các vụ kiện về đầu tư.	Bộ Công Thương, Bộ KHĐT và các bộ, cơ quan trung ương
-	Tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh; không để phát sinh thủ tục, quy định kinh doanh, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật mới không phù hợp, thiếu tính khả thi nhằm tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.	VPCP, Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan trung ương.
-	Khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành đầy đủ các định mức kinh tế - kỹ thuật trong đầu tư, xây dựng, dịch vụ công.	VPCP, Bộ KHĐT, Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan trung ương.
2.3	Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống đường cao tốc, nâng cấp các sân bay, bến cảng, hạ tầng đô thị, hạ tầng liên vùng	
-	Tập trung đẩy nhanh tiến độ khởi công và triển khai thi công các công trình hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia, sân bay, bến cảng, hệ thống đường cao tốc, các tuyến đường gom, nút giao kết nối, các dự án trọng điểm, có tính liên vùng (như các tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Hòa Bình - Mộc Châu, Ninh Bình - Hải Phòng, Gia Nghĩa - Chợ Thành, Thành phố Hồ Chí Minh - Chợ Thành, Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Dầu Giây - Liên Khương, vành đai 4 vùng Thủ đô Hà Nội, vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Biên Hòa - Vũng Tàu, Tuyên Quang - Hà Giang; Cảng Hàng không quốc tế Long Thành, nhà ga T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất...).	Bộ GTVT
	Phản ánh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam trong năm 2024 và	

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	tiếp tục đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư các tuyến đường sắt quan trọng khác (như Hà Nội - Lào Cai - Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, Biên Hòa - Vũng Tàu, Long Thành - Thủ Thiêm).	
-	Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án hạ tầng quy mô lớn, đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất rừng, đất lúa, bảo đảm nguồn cung và kiểm soát giá nguyên vật liệu, kịp thời rà soát điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất để phù hợp với mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng; đẩy mạnh phát triển các dự án kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công tư; nghiên cứu xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường cao tốc.	Bộ KHĐT, Bộ TNMT, Bộ NNPTNT, Bộ GTVT, Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương.
-	Triển khai kịp thời, hiệu quả Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đảm bảo an ninh năng lượng, cung ứng đủ điện, xăng dầu cho tiêu dùng, sản xuất kinh doanh. Tập trung tháo gỡ khó khăn các dự án điện; đảm bảo tiến độ đầu tư, xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện trọng điểm. Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành chủ trương, cơ chế, chính sách đặc thù, đột phá nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai, thu hút đầu tư các dự án điện khí, điện gió ngoài khơi và phát triển hydrogen tại Việt Nam. Xây dựng và triển khai Chương trình cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo.	Bộ Công thương
-	Phát triển hạ tầng số, hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số và nền tảng số, ứng dụng số tạo động lực phát triển kinh tế số. Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; tập trung xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.	Bộ TTTT
-	Triển khai các tiêu chí, tiêu chuẩn về hạ tầng thương mại như tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn giai đoạn 2021-2025; mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn Việt Nam về chợ kinh doanh thực phẩm...	Bộ Công thương
-	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu, trọng tâm là các công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, ổn định đời sống người dân nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Huy động, triển khai kịp thời, hiệu quả khoản vay 2,5 tỷ USD vốn vay ưu đãi, vốn ODA cho phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ NNPTNT, Bộ KHĐT
-	Phát triển, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, không gian ngầm đô thị. Đánh giá, rà soát thực trạng thoát nước, ngập úng đô thị, nhất là tại các đô thị lớn như thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng... để có phương án, giải pháp hiệu quả chống ngập úng đô thị, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục.	Bộ Xây dựng
2.4	<i>Tập trung thực hiện hiệu quả, thực chất cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng cường năng lực nội sinh, nâng cao năng lực cạnh tranh phát triển nhanh, bền vững; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các ngành, lĩnh vực mới nổi, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả</i>	

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
a)	Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế.	
-	Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp; tập trung phục hồi, phát triển các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất chíp bán dẫn. Thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm, công nghiệp nền tảng và công nghệ mới nổi (chip bán dẫn...)	Bộ Công Thương
-	Cơ cấu lại ngành nông nghiệp; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, sạch, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp tục chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Tổ chức triển khai Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”.	Bộ NNPTNT
-	Cơ cấu lại một số ngành, lĩnh vực dịch vụ quan trọng như du lịch, thương mại, logistics...	Bộ Công thương, Bộ VHTTDL
b)	Cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước. Trình cấp có thẩm quyền Đề án đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước theo hướng tăng cường tính chủ đạo của ngân sách trung ương và nâng cao tính chủ động, tích cực, linh hoạt của ngân sách địa phương. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế quản lý thuế, nhất là đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh mới phát sinh trong nền kinh tế số, giao dịch xuyên biên giới; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời, mở rộng cơ sở thuế.	Bộ Tài chính
c)	Cơ cấu lại đầu tư công, nhất là vốn vay nước ngoài, bảo đảm thực chất, hiệu quả. Bố trí vốn bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, không để tình trạng dàn trải, manh mún, chia cắt, lãng phí, kém hiệu quả; tập trung vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội nhằm dẫn dắt, huy động các nguồn lực đầu tư ngoài Nhà nước, tạo các động lực phát triển, cực tăng trưởng mới, đồng thời bảo đảm phát triển hài hòa giữa các địa phương, vùng, miền	Bộ KHĐT
d)	Triển khai Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”; thực hiện các phương án xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém; triển khai cơ cấu lại các ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Đẩy mạnh xử lý nợ xấu; tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định pháp luật. Triển khai các giải pháp chuyển đổi số hoạt động ngân hàng, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động thanh toán trong nền kinh tế.	NHNN
đ)	Triển khai Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021-2025.	UBQLVNN

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	<p>Triển khai quyết liệt, hiệu quả phương án xử lý 04/12 dự án doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả còn lại. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả nguồn lực đầu tư của các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính, khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, không hiệu quả; đẩy mạnh thoái vốn đầu tư ngoài ngành, lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả, mất vốn nhà nước.</p> <p>Phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước tham gia vào các dự án quan trọng, quy mô lớn, có tác động dẫn đầu, lan tỏa trong các ngành kinh tế chủ lực, các ngành, lĩnh vực mới, tạo động lực và góp phần thúc đẩy tăng trưởng.</p>	
e)	<p>Tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác; nghiên cứu hình thức hỗ trợ đối với các doanh nghiệp xã hội; tổ chức triển khai hiệu quả Luật Hợp tác xã năm 2023. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài, nhất là trong những ngành, lĩnh vực mới nổi, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong nước và các doanh nghiệp trong nước, tham gia sâu rộng hơn vào các chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu.</p>	Bộ KHĐT
2.5	<p>Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, hoàn thiện việc biên soạn các bộ sách giáo khoa còn lại đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng. - Thực hiện tự chủ đại học thực chất, nâng cao chất lượng giáo dục đại học. - Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhất là tại địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. - Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; xây dựng văn hóa học đường, ngăn chặn có hiệu quả bạo lực học đường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ GD&ĐT 	
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các giải pháp đột phá phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp; tạo chuyển biến mạnh mẽ về số lượng, cơ cấu, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH 	
<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung đào tạo 50.000 - 100.000 nhân lực chất lượng cao cho ngành nghiên cứu và sản xuất chip bán dẫn đến năm 2025 và năm 2030. - Xây dựng và hoàn thiện Đề án phát triển nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ GD&ĐT, Bộ KHĐT 	
<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp, chuyển đổi số quốc gia; có chính sách ưu đãi đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, nhất là đầu tư phát triển công nghệ hydrogen xanh, sản xuất chip bán dẫn... 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ GD&ĐT, Bộ KHCN, Bộ KHĐT 	
<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai Chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ KHĐT 	

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
-	Thúc đẩy mạnh mẽ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia và Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia; tăng cường liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước.	Bộ KHĐT
2.6	Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
-	Tiếp tục thực hiện Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc; Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.	Bộ VHTTDL
-	Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035.	Bộ VHTTDL
-	Phát triển ngành công nghiệp văn hóa; hoàn thành Đề án Phát triển công nghiệp văn hóa.	Bộ VHTTDL
-	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền.	Bộ VHTTDL
-	Tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày Lễ lớn, các sự kiện trọng đại trong năm 2024.	Bộ VHTTDL
-	Công tác người có công với cách mạng.	Bộ LĐTBXH
-	Thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội, an sinh xã hội; tổ chức cứu trợ đột xuất khi có thiên tai, dịch bệnh.	Bộ LĐTBXH
-	Công tác giảm nghèo bền vững.	Bộ LĐTBXH
-	Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.	Bộ LĐTBXH, BHXHVN
-	Phát triển thị trường lao động, tăng cường kết nối cung - cầu lao động.	Bộ LĐTBXH
-	Phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; tập trung triển khai Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”.	Bộ Xây dựng
-	Triển khai 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (tổ chức triển khai, kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, khó khăn, hạn chế, nguyên nhân, phương hướng, giải pháp,...).	Bộ LĐTBXH, NNPTNT, KHĐT, UBTT
-	Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; quản lý sức khỏe toàn dân; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em. Tập trung khắc phục hiệu quả tình trạng thiếu thuốc, vật tư, thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập. Đáp ứng đầy đủ, kịp thời vắc xin và duy trì tỷ lệ tiêm các loại vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng trên 90%. Đổi mới cơ chế tài chính y tế, thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế phù hợp với khả năng chi trả của người dân, quỹ bảo hiểm y tế và ngân sách nhà nước. Nghiên cứu hoàn thiện phương thức chi trả dịch vụ y tế; thực hiện lộ trình	Bộ Y tế.

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	<p>tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân.</p> <p>Nghiên cứu, xây dựng khung chính sách tổng thể về dân số, bảo đảm tỷ suất sinh thay thế phù hợp với vùng, miền, đối tượng dân cư và số lượng, chất lượng dân số, góp phần kéo dài và tận dụng cơ hội thời kỳ dân số vàng. Sơ kết 05 năm thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 gắn với xây dựng, ban hành Khung chính sách quốc gia thích ứng, giải quyết vấn đề già hóa dân số.</p>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác trẻ em, thanh niên, bình đẳng giới. 	Bộ LĐTBXH
	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng 	Bộ Nội vụ, UBNDT
2.7	<p><i>Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường</i></p>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách nâng cao hiệu quả huy động, sử dụng nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên phục vụ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (Luật Đất đai sửa đổi, Luật Địa chất và Khoáng sản...) 	Bộ TNMT
	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện các quy định về quản lý tín chỉ các-bon tại Việt Nam, thúc đẩy phát triển thị trường các-bon trong nước và kết nối với thị trường các-bon khu vực và thế giới. 	Bộ TNMT
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các sáng kiến, cam kết Việt Nam tham gia tại COP28 và Kế hoạch huy động nguồn lực triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) 	Bộ TNMT
	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, hoàn thiện các quy định về bảo vệ môi trường; tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước 	Bộ TNMT
	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn do tác động của hiện tượng El Nino. Thực hiện các dự án trọng điểm về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, nhất là hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lún, sạt lở bờ sông, bờ biển, sạt lở đất, nhất là tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng ven biển, khu vực Bắc Trung Bộ, khu vực Tây Nguyên, miền núi phía Bắc 	Bộ TNMT, Bộ NNPTNT
2.8	<p><i>Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, Hội đồng vùng hoạt động có hiệu quả, thực hiện nghiêm quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị.</i></p>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo các nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 vùng kinh tế - xã hội. - Sơ kết, đánh giá thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù tại các địa phương; rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các vùng theo các Nghị quyết của Bộ Chính trị. - Hoàn thiện thể chế liên kết vùng, phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu quả hoạt động của các Hội đồng điều phối vùng. 	Bộ KHĐT và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hiệu quả quy hoạch cấp quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh 	Bộ KHĐT

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
-	Phát triển đô thị	Bộ Xây dựng
-	Nghiên cứu xây dựng trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm tài chính khu vực tại Đà Nẵng	
2.9	Tiếp tục hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính Thực hiện sáp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; hoàn thành sáp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Hoàn thiện pháp luật về cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở mức độ tự chủ về tài chính, tăng cường phân cấp và tính chủ động cho các đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thành việc sáp xếp đơn vị sự nghiệp các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.	Bộ Nội vụ
-	Thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; hoàn thành việc xây dựng vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính nhà nước	Bộ Nội vụ
-	Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, công chức, công vụ và thủ tục hành chính; tập trung xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia. Khai thác hiệu quả ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Đề án 06 của Chính phủ về “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyen đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.	VPCP, Bộ Công an
-	Tiếp tục đổi mới toàn diện cơ chế một cửa, một cửa liên thông cải cách thủ tục hành chính; tập trung rà soát, xử lý các vướng mắc, bất cập về thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình	VPCP, Bộ TTTT
-	Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	Bộ Công an, Thanh tra Chính phủ
-	Khắc phục triệt để tình trạng đùn đẩy, né tránh, sơ sai, sơ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức	Bộ Nội vụ
2.10	Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Không để Đảng, Nhà nước bị động, bất ngờ về chiến lược. Thực hiện chức năng tham mưu chiến lược cho Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Triển khai thực hiện các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa và không gian mạng, nhất là các địa bàn chiến lược, trọng điểm; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để bị động, bất ngờ; chủ động ứng phó các thách thức an ninh phi truyền thống. Thực hiện tốt công tác hợp tác quốc tế về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm, cứu	Bộ Quốc phòng

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	nạn; các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc.	
-	Bảo đảm an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng của đất nước, các hội nghị quốc tế lớn ở Việt Nam. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, bảo đảm an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh kinh tế, bảo đảm an ninh trong công nhân; trấn áp các loại tội phạm...	Bộ Công an
2.11	<i>Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển và tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển đất nước, củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam</i>	
-	Củng cố cục diện đối ngoại thuận lợi, giữ đà và triển khai tốt quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn và các đối tác quan trọng đi vào chiều sâu, hiệu quả; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo cấp cao; tăng cường phối hợp giữa các trụ cột đối ngoại...	Bộ Ngoại giao
-	Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế, tranh thủ hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, thúc đẩy hợp tác trong những lĩnh vực phục vụ thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai các thỏa thuận, cam kết với các đối tác đã ký kết, nhất là các FTA đã ký kết (EVFTA, RCEP, CPTPP...).	Bộ Ngoại giao
-	Chủ động, tích cực tham gia các diễn đàn đa phương trên cơ sở bám sát đường lối đối ngoại, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc, cân bằng, hài hoà trong ứng xử quốc tế, tiếp tục nâng cao vị thế đất nước.	
2.12	<i>Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nhất là công tác truyền thông chính sách, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội</i>	Bộ TTTT, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương
3	Hạn chế, khó khăn (đánh giá chi tiết các hạn chế, khó khăn của tất cả các ngành, lĩnh vực theo 12 nhóm nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 103/2023/QH15 như phân công tại mục 2 phần II nêu trên)	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
4	Nguyên nhân (khách quan và chủ quan)	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
a)	Nguyên nhân của kết quả đạt được (trong đó nêu chi tiết các nguyên nhân khách quan, chủ quan cụ thể đối với các kết quả đạt được)	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
b)	Nguyên nhân của hạn chế, bất cập (trong đó nêu chi tiết nguyên nhân khách quan, chủ quan cụ thể đối với từng hạn chế, khó khăn)	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
5	Bài học kinh nghiệm	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
	PHẦN II: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2025	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
I	Bối cảnh kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 , bao gồm nhận định, phân tích và dự báo những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH năm 2025	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
II	Mục tiêu tổng quát	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
III	Chỉ tiêu chủ yếu	Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đề xuất, báo cáo theo Biểu số 1, Phụ lục II
IV	Một số cân đối lớn	Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đề xuất, báo cáo theo Biểu số 2, Phụ lục II
V	Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương


Phụ lục II
BIEU MAU BAO CAO TINH HINH KINH TE - XA HỘI NĂM 2024,
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TE - XA HỘI NĂM 2025 CỦA CẢ NUỐC
(Kèm theo văn bản số 4487/BKHTT-TT ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu số 1

**ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TE - XA HỘI NĂM 2024
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TE - XA HỘI NĂM 2025 CỦA CẢ NUỐC**

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2024				DỰ KIẾN NĂM 2025	5 NĂM 2021-2025			CƠ QUAN BÁO CÁO
			MỤC TIÊU	THỰC HIỆN ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO	ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH		MỤC TIÊU	ƯỚC THỰC HIỆN 5 NĂM	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
A	VỀ KINH TẾ										
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%						Bộ KHĐT (TCTK)
2	GDP bình quân đầu người	USD						Bộ KHĐT (TCTK)
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%									Bộ KHĐT (TCTK)
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%									NHNNVN, Bộ KHĐT (TCTK)
5	Tốc độ tăng năng suất lao động	%									Bộ KHĐT (TCTK)
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội ¹	%									Bộ KHĐT (TCTK)
...	<i>Một số chỉ tiêu để xuất bô sung (nếu có).....</i>
B	VỀ XÃ HỘI										
1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%						Bộ LĐTBXH

¹ Tại Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 7/11/2022 là Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản nghiệp trong tổng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc.

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2024				DỰ KIẾN NĂM 2025	5 NĂM 2021-2025			CƠ QUAN BÁO CÁO
			MỤC TIÊU	THỰC HIỆN ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO	ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH		MỤC TIÊU	ƯỚC THỰC HIỆN 5 NĂM	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ	%						Bộ KHĐT (TCTK), Bộ LĐTBXH ²
2	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%						Bộ KHĐT (TCTK), Bộ LĐTBXH ³
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Điểm %						Bộ KHĐT (TCTK), Bộ LĐTBXH ⁴
4	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ									Bộ Y tế
5	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường bệnh									Bộ Y tế
6	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	%									Bộ KHĐT (TCTK) ⁵ , BHXHVN (phối hợp cung cấp số người tham gia bảo hiểm y tế)
7	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%									Bộ NN&PTNT
...	<i>Một số chỉ tiêu để xuất bô sung (nếu có).....</i>
C	VỀ MÔI TRƯỜNG										
1	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn ⁶	%									Bộ TN&MT

² Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (5); Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo các cột còn lại.

³ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (5); Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo các cột còn lại.

⁴ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (5); Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo các cột còn lại.

⁵ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (5); Bảo hiểm Xã hội Việt Nam báo cáo các cột còn lại.

⁶ Tại Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 7/11/2022 là Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (phân theo thành thị, nông thôn)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2024				DỰ KIẾN NĂM 2025	5 NĂM 2021-2025			CƠ QUAN BÁO CÁO
			MỤC TIÊU	THỰC HIỆN ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO	ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH		MỤC TIÊU	ƯỚC THỰC HIỆN 5 NĂM	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường ⁷	%									Bộ KHĐT (Vụ QLKKT); Bộ KH&CN
...	<i>Một số chỉ tiêu để xuất bô sung (nếu có).....</i>

⁷ Tại Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 7/11/2022 là Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường

Biểu số 2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024				Dự kiến năm 2025			5 năm 2021-2025			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2024 (%)	So với ước thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	Ước thực hiện 5 năm	So với giai đoạn 2016-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
		đồng												
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	Nghìn tỷ đồng												
4	Thu viện trợ	Nghìn tỷ đồng												
B	Tổng chi ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng												Bộ Tài chính
	<i>Trong đó:</i>	<i>Nghìn tỷ đồng</i>												
	Chi đầu tư phát triển	Nghìn tỷ đồng												
	Chi thường xuyên	Nghìn tỷ đồng												
C	Bội chi ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng												Bộ Tài chính
1	Bội chi ngân sách trung ương	Nghìn tỷ đồng												
2	Bội chi ngân sách địa phương	Nghìn tỷ đồng												
D	Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách so với GDP	%												Bộ Tài chính
E	Tỷ lệ nợ công so với GDP	%												Bộ Tài chính
F	Tỷ lệ nợ Chính phủ so với GDP	%												Bộ Tài chính
G	Tỷ lệ nợ nước ngoài so với GDP	%												Bộ Tài chính
III	VỀ XUẤT NHẬP KHẨU													Bộ Tài chính; Bộ Công Thương¹⁰
1	Xuất khẩu hàng hóa													

¹⁰ Bộ Tài chính báo cáo cột số (4) và (6); Bộ Công Thương báo cáo các cột còn lại.

Biểu số 3

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024				Dự kiến năm 2025			5 năm 2021-2025			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2024 (%)	So với ước thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	Ước thực hiện 5 năm	So với giai đoạn 2016- 2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	động													
II	THEO GIÁ SO SÁNH													Bộ KHĐT (TCTK)
1	Tốc độ tăng GDP	%												
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%												
	Công nghiệp và xây dựng	%												
	Dịch vụ	%												
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%												
2	Tốc độ tăng năng suất lao động	%												
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%												
	Công nghiệp và xây dựng	%												
	Dịch vụ	%												
III	TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP CỦA NĂNG SUẤT CÁC NHÂN TỐ TỔNG HỢP (TFP) VÀO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	%												Bộ KHĐT (TCTK)

Biểu số 4
PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024				Dự kiến năm 2025			5 năm 2021-2025			Cơ quan báo cáo	
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2024 (%)	So với ước thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	Ước thực hiện 5 năm	So với 5 năm 2016-2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
I	VỀ CÔNG NGHIỆP														Bộ Công Thương; Bộ KHĐT (TCTK) ¹¹
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%													
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	%													
2	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%													
3	Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu														
-	Dầu mỏ thô khai thác	Triệu tấn													
-	Khí đốt thiên nhiên dạng khí	Tỷ m ³													
-	Xăng dầu các loại	Tỷ m ³													
-	Than sạch	Triệu tấn													
-	Thép cán, thép thanh, thép góc các loại	Triệu tấn													

¹¹ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (4) và (6); Bộ Công Thương báo cáo các cột còn lại.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024				Dự kiến năm 2025			5 năm 2021-2025			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2024 (%)	So với ước thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	Ước thực hiện 5 năm	So với giai đoạn 2016-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
-	Vải dệt các loại	Triệu m ²												
.....
II	VỀ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN													Bộ NN&PTNT; Bộ KHĐT (TCTK) ¹²
1	Một số sản phẩm chủ yếu													
-	Lương thực có hạt	Triệu tấn												
.....	Trong đó: Lúa	Nghìn tấn												
.....
-	Cây công nghiệp lâu năm													
.....	Trong đó: Cà phê	Nghìn tấn												
.....
-	Thịt hơi các loại	Nghìn tấn												
2	Một số chỉ tiêu sản xuất lâm nghiệp													

¹² Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (4) và (6); Bộ NN&PTNT báo cáo các cột còn lại.

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024				Dự kiến năm 2025			5 năm 2021-2025			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2024 (%)	So với ước thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	Ước thực hiện 5 năm	So với giai đoạn 2016-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
-	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Nghìn ha												
-	Sản lượng gỗ khai thác	Triệu m ³												
...
3	Sản lượng thủy sản	Nghìn tấn												
-	Nuôi trồng	Nghìn tấn												
-	Khai thác	Nghìn tấn												
...
III VỀ DỊCH VỤ														
1	Thương mại													Bộ Công Thương; Bộ KHĐT (TCTK) ¹³
	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%												
...
2	Du lịch													
-	Số lượt khách du lịch nội địa	Triệu lượt												Bộ VHTTDL

¹³ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (4) và (6); Bộ Công Thương báo cáo các cột còn lại.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024				Dự kiến năm 2025			5 năm 2021-2025			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2024 (%)	So với ước thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	Ước thực hiện 5 năm	So với giai đoạn 2016-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	người													
	Tốc độ tăng	%												
-	Số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam	Triệu lượt người												Bộ VHTTDL; Bộ KHĐT (TCTK) ¹⁴
	Tốc độ tăng	%												
...
3	Thông tin và truyền thông													Bộ TTTT; Bộ KHĐT (TCTK) ¹⁵
-	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP	%												
...
IV	VỀ DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ													Bộ KHĐT (Cục QLĐKKD)
1	Doanh nghiệp													
-	Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập (lũy kế)	Nghìn doanh nghiệp												
-	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế (không tính các doanh nghiệp đã giải thể)	Nghìn doanh nghiệp												
-	Số doanh nghiệp đăng ký mới	Nghìn doanh nghiệp												

¹⁴ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (4) và (6); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo các cột còn lại.

¹⁵ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (4) và (6); Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo các cột còn lại.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024				Dự kiến năm 2025			5 năm 2021-2025			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2024 (%)	So với ước thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	Ước thực hiện 5 năm	So với giai đoạn 2016-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	hợp tác xã													
-	Tổng số tổ hợp tác	Nghìn tổ hợp tác												
-	Tổng số thành viên của tổ hợp tác	Nghìn thành viên												
V	VỀ ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN													
1	Tỷ lệ đô thị hóa	%												Bộ Xây dựng; Bộ KHĐT (TCTK) ¹⁶
2	Tỷ lệ xã được công nhận đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	%												Bộ NN&PTNT
	Trong đó: đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu	%												

¹⁶ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (4) và (6), (7), (8); Bộ Xây dựng báo cáo các cột còn lại.

Biểu số 5

Biểu số 6
CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024				Dự kiến năm 2025			5 năm 2021-2025			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với ước thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	Ước thực hiện 5 năm	So với giai đoạn 2016- 2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I VỀ DÂN SỐ														
1	Dân số trung bình	Triệu người												Bộ KHĐT (TCTK)
	Trong đó: dân số nông thôn	Triệu người												
2	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi												Bộ KHĐT (TCTK)
3	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái												Bộ Y tế; Bộ KHĐT (TCTK) ¹⁷
II VỀ GIÁO DỤC														
1	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%												
2	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%												
3	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở													
	Trong đó:													
-	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	tỉnh												
-	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	tỉnh												

¹⁷ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (4) và (6), (7), (8); Bộ Y tế báo cáo các cột còn lại.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024				Dự kiến năm 2025			5 năm 2021-2025			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời diểm báo cáo	Uớc thực hiện cả năm	Uớc thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với ước thực hiện 2024 (%)	Mục tiêu	Uớc thực hiện 5 năm	So với giai đoạn 2016- 2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 3)	tỉnh												
4	Tỷ lệ số lượt người được tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở giáo dục thường xuyên	%												
5	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%												
...
III VỀ LAO ĐỘNG														
1	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Triệu người												Bộ KHĐT (TCTK)
2	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế	Triệu người												Bộ KHĐT (TCTK)
	Trong đó tỷ lệ lao động nông nghiệp	%												Bộ KHĐT (TCTK)
3	Số người đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng	Nghìn người												Bộ LĐTBXH
4	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội	%												BHXHVN; Bộ KHĐT (TCTK) ¹⁸
5	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%												Bộ LĐTBXH; Bộ KHĐT (TCTK) ¹⁹
...

¹⁸ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (4) và (6), (7), (8); Bảo hiểm Xã hội Việt Nam báo cáo các cột còn lại.

¹⁹ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (4) và (6), (7), (8); Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo các cột còn lại.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024			Dự kiến năm 2025			5 năm 2021-2025			Cơ quan báo cáo			
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời diểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2024 (%)	Mục tiêu	Ước thực hiện 5 năm	So với giai đoạn 2016- 2020				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
IV VỀ Y TẾ																
1	Số bác sĩ trên 1 vạn dân														Bộ Y tế	
2	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống	Người													Bộ Y tế; Bộ KHĐT (TCTK) ²⁰	
3	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ ra sống)	%													Bộ Y tế; Bộ KHĐT (TCTK) ₂₁	
4	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ ra sống)	%													Bộ Y tế; Bộ KHĐT (TCTK) ₂₂	
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (chiều cao theo tuổi)	%													Bộ Y tế	
6	Tỷ lệ dân số được quản lý, theo dõi và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe	%													Bộ Y tế	
7	Số дược sĩ đại học trên 1 vạn dân	Dược sĩ đại học													Bộ Y tế	
8	Số điều dưỡng viên trên 1 vạn dân	Điều dưỡng viên													Bộ Y tế	
9	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%													Bộ Y tế	
...	
V VỀ CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH																Bộ Nội vụ

²⁰ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (4) và (6), (7), (8); Bộ Y tế báo cáo các cột còn lại.

²¹ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (4) và (6), (7), (8); Bộ Y tế báo cáo các cột còn lại.

²² Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK) báo cáo cột số (4) và (6), (7), (8); Bộ Y tế báo cáo các cột còn lại.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Năm 2024				Dự kiến năm 2025			5 năm 2021-2025			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời diểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2024 (%)	Mục tiêu	Ước thực hiện 5 năm	So với giai đoạn 2016- 2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ bình quân cả nước (Par-Index)	%												
2	Chi số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bình quân cả nước (Par-Index)	%												
3	Chi số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước (SIPAS)	%												
4	Tỷ lệ tinh giản biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%												
5	Tỷ lệ tinh giản biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%												
...
V VỀ MÔI TRƯỜNG														
1	Tỷ lệ dân cư khu vực thành thị được sử dụng nước sạch ²³	%												Bộ Xây dựng
2	Tỷ lệ dân cư khu vực nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh ²⁴	%												Bộ NNPTNT
3	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn ²⁵	%												Bộ TNMT
4	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%												Bộ TNMT

²³ Tại Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 7/11/2022 là Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung

²⁴ Tại Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 7/11/2022 là Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn

²⁵ Tại Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 7/11/2022 là Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (phân theo thành thị, nông thôn)

Biểu số 7
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ ĐẾN NĂM 2030 THEO VÙNG²⁶

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu đến năm 2030	2021	2022	2023	2024	Kế hoạch 2025	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
VỀ KINH TẾ									
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm	%							Bộ KHĐT
2	Cơ cấu GRDP của Vùng								Bộ KHĐT
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	%							
-	Công nghiệp - xây dựng	%							
	<i>Trong đó: riêng công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%							
-	Dịch vụ	%							
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%							
3	GRDP bình quân đầu người/năm (giá hiện hành)	Triệu đồng							Bộ KHĐT
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%							Bộ TTTT
5	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân (giai đoạn 2021 - 2030)	%							Bộ KHĐT
6	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (giai đoạn 2021 - 2030)	%							Bộ KHĐT
7	Đóng góp thu ngân sách nhà nước của vùng với cả nước	%							Bộ Tài chính
8	Tỷ lệ đô thị hóa	%							Bộ Xây dựng
9	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%							Bộ NNPTNT
	<i>Trong đó: Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu</i>	%							
VỀ XÃ HỘI									

²⁶ 6 Vùng gồm: (1) Vùng Trung du và miền núi Bắc bộ; (2) Vùng đồng bằng Sông Hồng; (3) Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; (4) Vùng Tây Nguyên; (5) Vùng Đông Nam bộ; (6) Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu đến năm 2030	2021	2022	2023	2024	Kế hoạch 2025	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%							Bộ LĐTBXH
	<i>Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ</i>	%							
11	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân trên năm	%							Bộ LĐTBXH
	<i>Trong đó: Tỷ lệ giảm hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số</i>	%							
12	Tỷ lệ trên 10.000 dân đến năm cuối kỳ								Bộ Y tế
-	Số giường bệnh	<i>Giường bệnh</i>							
-	Số bác sĩ	<i>Bác sĩ</i>							
13	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%							Bộ Y tế
VỀ MÔI TRƯỜNG									
14	Tỷ lệ che phủ rừng	%							Bộ NNPTNT
15	Tỷ lệ sử dụng nước sạch khu vực thành thị	%							Bộ Xây dựng
16	Tỷ lệ sử dụng nước sạch khu vực nông thôn	%							Bộ Xây dựng
17	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn ²⁷	%							Bộ TNMT
18	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung	%							Bộ KHĐT
19	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để	%							Bộ TNMT

²⁷ Tại Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 7/11/2022 là Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (phân theo thành thị, nông thôn)

Biểu số 8

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU CỦA CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG (tất cả các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương báo cáo)

